

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 17/05/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	SV6280348	Đỗ Thanh	An	12/9/1987		
2	TA0002	SV6280349	Nguyễn Trường	An	16/3/1999		
3	TA0003	SV6280350	Bùi Hoài	Anh	21/07/2000		
4	TA0004	SV6280351	Đào Bá Tuấn	Anh	23/11/1993		
5	TA0005	SV6280352	Lâm Đức	Anh	15/9/2000		
6	TA0006	SV6280353	Lê Đức	Anh	25/1/2000		
7	TA0007	SV6280354	Lưu Thị Vân	Anh	8/5/2000		
8	TA0008	SV6280355	Nguyễn Hoàng	Anh	31/1/2000		
9	TA0009	SV6280356	Nguyễn Mai	Anh	1/12/2000		
10	TA0010	SV6280357	Nguyễn Tuấn	Anh	19/8/2000		
11	TA0011	SV6280358	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	26/3/1999		
12	TA0012	SV6280359	Phạm Việt Quốc	Anh	7/12/2000		
13	TA0013	SV6280360	Trần Ngọc Thế	Anh	21/4/2000		
14	TA0014	SV6280361	Lê Ngọc	Ánh	14/11/2000		
15	TA0015	SV6280362	Bùi Danh	Bảo	9/8/1999		
16	TA0016	SV6280363	Phạm Văn Thành	Cao	1/7/2000		
17	TA0017	SV6280364	Nguyễn Thị Minh	Châm	15/1/2000		
18	TA0018	SV6280365	Vũ Thị Minh	Chi	25/5/2000		
19	TA0019	SV6280366	Lê Huy Việt	Chiến	26/09/1999		
20	TA0020	SV6280367	Phạm Minh	Chiêu	21/10/1999		
21	TA0021	SV6280368	Đặng Thành	Công	6/9/1999		
22	TA0022	SV6280369	Đặng Tuấn	Cường	8/12/1999		
23	TA0023	SV6280370	Lê Việt	Cường	1/6/1999		
24	TA0024	SV6280371	Lương Văn	Cường	21/11/1999		
25	TA0025	SV6280372	Lương Việt	Cường	15/6/1999		
26	TA0026	SV6280373	Nguyễn Công	Cường	6/1/2000		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0027	SV6280374	Nguyễn Hữu	Cường	22/2/1998		
28	TA0028	SV6280375	Nguyễn Văn	Cường	18/11/1999		
29	TA0029	SV6280376	Nguyễn Đình	Đại	24/11/1999		
30	TA0030	SV6280377	Hoàng Sỹ	Đạo	16/9/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)